TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2023/KDTM-ST
Ngày 31-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Hồng Nga;

2. Ông Từ Anh Tuấn.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Hoài Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 48/2022/TLST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-KD ngày 16/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-KDTM ngày 14/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-KDTM ngày 03/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T ; Địa chỉ: Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 15, khu phố Bà T, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1996; Địa chỉ: 78A đường Đại Lộ Bình D, tổ 4, khu phố 7, phường P , thành phố Thủ T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/7/2022), có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Veneer L ; địa chỉ: Số 41/10 Đoàn Thị K, tổ 67B, khu phố Đ, phường T, thành phố D , tỉnh Bình Dương; Địa chỉ hoạt động: 102/22A đường Huỳnh Mẫn Đ, khu phố B, phường H thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Người đại diện theo pháp luật: (Ông) Võ Kế L, địa chỉ thường trú: Xóm Lạc T, thôn G, xã C, Huyện P, Bình Định; Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Công

H, địa chỉ thường trú: Nhơn Thiện, xã Nhơn H, thị xã A, Bình Định; địa chỉ liên lạc: 41/10 Đoàn Thị K, Tổ 67B, khu phố Đ, phường , Thành phố D , Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2022 của nguyên đơn; lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Thái H trình bày:

Ngày 23/4/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T và Công ty Cổ phần Veneer L ký Hợp đồng nguyên tắc số:21/43/HDLP - VAN với các nội dung chính như sau: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T bán ván lạng các loại cho Công ty Cổ phần Veneer L với quy cách, số lượng, giá cả sẽ được ghi trên từng đơn hàng, thời gian giao hàng theo thỏa thuận của hai bên trên từng đơn hàng, địa điểm giao hàng tại kho bên B (Công ty Cổ phần Veneer L). Cụ thể các lần mua bán như sau:

- Ngày 05/05/2021 căn cứ theo phiếu xuất kho/giao hàng, Công ty T giao cho Công ty Veneer L sản phẩm là Ván lạng White Oak với số lượng là 1.459,64 m² x đơn giá là 30.160 đồng = 44.022.742 đồng.

- Ngày 07/05/2021 căn cứ theo phiếu xuất kho/giao hàng, Công ty T giao cho Công ty Veneer L sản phẩm là Ván lạng White Oak 02 lần với số lượng như sau: lần 1 bán với số lượng 1.867,88 m² x đơn giá là 30.160 đồng = 56.335.260 đồng, lần 2 bán với số lượng 2.629,73 m² x đơn giá là 19.720 đồng = 51.858.276 đồng.

- Ngày 15/05/2021 căn cứ theo phiếu xuất kho/giao hàng, Công ty T giao cho Công ty Veneer L sản phẩm là Ván lạng Walnut với số lượng là 1.111,46 m² x đơn giá là 37.120 đồng = 41.257.395 đồng.

- Ngày 17/05/2021 căn cứ theo phiếu xuất kho/giao hàng, Công ty T có bán cho Công ty Veneer L sản phẩm là Ván lạng White Oak với số lượng là 3.650,53 m² x đơn giá là 27.840 đồng = 101.630.755 đồng.

Theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên, thời hạn thanh toán là trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.

Công ty T thực hiện hợp đồng, đã giao hàng và xuất hoá đơn cho Công ty Veneer L nhưng Công ty Veneer L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Thụy Thái. Tổng cộng số tiền mà Công ty Veneer L chưa thanh toán cho Công ty T là 324.614.872 đồng căn cứ vào Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000066 ngày 31/05/2021, tuy nhiên vào ngày 29/11/2021 Công ty Cổ phần Veneer L có thanh toán cho Công Ty TNHH Một Thành Viên Thụy Thái với số tiền là 28.828.907 đồng với nội dung Công Ty Long Phụng thanh toán hóa đơn số 33 và hóa đơn số 66 cho Công ty T căn cứ chứng từ giao dịch của Ngân hàng Agribank ngày 29/11/2021 và ngày 15/4/2022 thanh toán số tiền: 20.000.000 đồng, nội dung công ty Long Phụng thanh toán hóa đơn 66 cho công ty Thụy Thái; cụ thể

15.000.000 đồng được chuyển thanh toán cho hóa đơn số 000066 ngày 31/05/2021, số còn lại là 13.828.907 đồng thanh toán cho hóa đơn số 33 trước đó.

Tổng số tiền mà Công ty Veneer L chưa thanh toán cho Công ty T là 289.614.872 đồng. Do đó, Công ty Veneer L có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty T số tiền mua hàng còn nợ là 289.614.872 đồng.

Do Công ty Veneer L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua hàng theo đúng thoả thuận trong hợp đồng nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả cho Công ty T với mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) theo quy định tại 468 Bộ luật dân sự 2015, số tiền lãi phải trả cụ thể như sau: Theo hóa đơn GTGT số 0000066 ngày 31/5/2021, Công ty Veneer L còn nợ là 324.614.872 đồng, Công ty Veneer L đã thanh toán 35.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 289.614.872 đồng. Số tiền lãi phải trả do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 31/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 31/3/2023 là: 289.614.872 đồng x 10%/năm x (01 năm 08 tháng) = 48.269.145 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty Veneer L phải trả cho Công ty T tính đến ngày 31/3/2023 là: 337.884.017 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần Veneer L : Bị đơn đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 16/01/2023 nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn đã được triệp tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và thẩm tra công khai tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Veneer L thanh toán khoản nợ gốc và lãi về việc mua hàng hoá là ván lạng các loại. Do đó, quan hệ pháp luật

tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa". Bị đơn Công ty Cổ phần Veneer L hiện nay đang hoạt động tại địa chỉ: số 102/22A đường Huỳnh Mẫn Đạt, khu phố Bình Hóa, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, Căn cứ vào công văn số:1452/ĐKKD ngày 05/12/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương thì địa chỉ trụ sở chính của bị đơn tại: Số 41/10 Đoàn Thị Kia, tổ 67B, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 24 Luật Thương mại.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 14/02/2023, ngày 03/3/2023 và ngày 31/3/2023 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn; đồng thời thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ đối với bị đơn nhưng bị đơn không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ. Vì vậy, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ cở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc: Ngày 23/4/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (sau đây gọi tắt là công ty Thụy Thái) và Công ty Cổ phần Veneer L (sau đây gọi tắt là công ty Long Phụng) có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số:21/43/HDLP - VAN ngày 23/4/2021 theo đó Công ty T bán ván lạng các loại cho công ty Veneer Long Phụng. Như vậy, việc các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật Thương mại nên Hợp đồng nguyên tắc số:21/43/HDLP - VAN ngày 23/4/2021 có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian từ ngày 05/5/2021 đến 17/5/2021 Công ty Trách nhiệm hữu hạn T đã giao hàng cho Công ty Cổ phần Veneer L thông qua các phiếu xuất kho giao hàng vào các ngày 05/5/2021, 07/5/2021, 15/5/2021 và 17/5/2021 với số lượng hàng đã giao là 9.259,60m^2 tương ứng với số tiền phải thanh toán là: 324.614.872 đồng và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000066 ngày 31/5/2021 để phía Công ty Cổ phần Veneer L thanh toán tiền. Vào ngày 29/11/2021 và ngày 15/4/2022 phía Công ty Cổ phần Veneer L đã thanh toán cho Công ty T số tiền: 35.000.000 đồng, thông qua chứng từ giao dịch của Ngân hàng Agribank số tiền còn nợ lại là: 289.614.872 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0000066 ngày

31/5/2021 và bản đối chiếu công nợ ngày 18/4/2022, thì phía Công ty Cổ phần Veneer L còn nợ lại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền 289.614.872 đồng. Quá trình tố tụng Tòa án đã thông báo cho Công ty Cổ phần Veneer L và yêu cầu bị đơn có ý kiến về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng phía Công ty Cổ phần Veneer L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho việc đã thanh toán thêm được khoản tiền nào kể từ thời điểm chốt nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ: 289.614.872 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật thương mại nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía đại diện nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền lãi do chậm trả, theo mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng đối với thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán của số tiền 289.614.872 đồng do chậm thanh toán. Xét thấy, theo nội dung tại Hợp đồng nguyên tắc số:21/43/HDLP - VAN ngày 23/4/2021, giữa hai bên không có thỏa thuận về lãi chậm thanh toán. Căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Do đó, mức lãi suất được xác định theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, căn cứ thông báo lãi suất cho vay số 43/NHNo.ST-KVKH ngày 17/02/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 9,5%; thông báo lãi suất cho vay số 08/NBD.LSCVSME2022 ngày 14/12/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương là 8,3%/năm, thông báo lãi suất cho vay ngày 22/02/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam là 11,5%/năm thì lãi suất nợ quá hạn trung bình của 01 năm là: (9.5%/năm + 8.3%/năm + 11,5%/năm) : 3 x 150% = 14.646%/năm. Tuy nhiên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T chỉ yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tiền lãi được tính cụ thể từ ngày 31/7/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (31/3/2023) là: 289.614.872 đồng x 10%/năm x (01 năm 08 tháng) = 48.269.145 đồng.

[3] Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 91, 96, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 24,74, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T với bị đơn Công ty Cổ phần Veneer L về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty Cổ phần Veneer L phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền mua hàng hóa còn nợ tính đến ngày 31/3/2023 là 337.884.017 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là: 289.614.872 đồng;

- Tiền lãi chậm thanh toán: 48.269.145 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty Cổ phần Veneer L phải chịu 16.884.547 đồng (mười sáu triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm bốn bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền 8.141.798 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000695 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư; hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà